

Số: 27 /2025/QĐ-UBND

Gia Lai, ngày 07 tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư
khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15;

Căn cứ Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 43/2024/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 62/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Kết luận số 57-KL/TU ngày 01 tháng 10 năm 2025 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy, nhiệm kỳ 2020 - 2025, tại Hội nghị lần thứ 11;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường;

Ủy ban nhân dân ban hành Quyết định quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

2. Quyết định số 66/2024/QĐ-UBND ngày 28/10/2024 của UBND tỉnh Bình Định ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Bình Định và Quyết định số 56/2024/QĐ-UBND ngày 31/10/2024 của UBND tỉnh Gia Lai (trước đây) ban hành Quy định về bồi thường,

hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Gia Lai hết hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh; Thủ trưởng các Sở, ban, ngành thuộc tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và hộ gia đình, cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

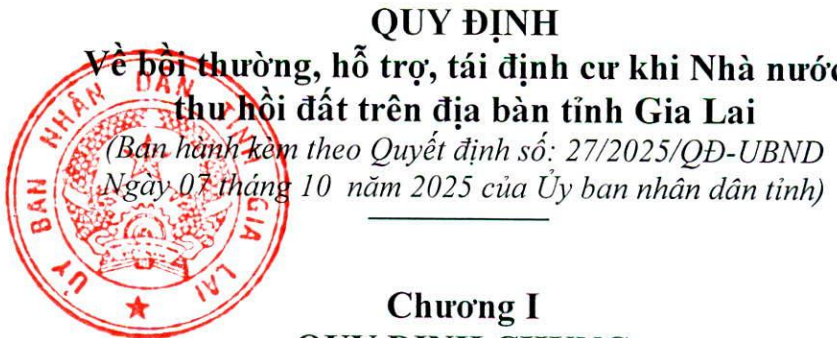
Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- Cục KTVB&QLXLVPHC-Bộ Tư pháp;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Thường trực HĐND tỉnh;
- Ủy ban MTTQVN tỉnh;
- Đoàn ĐB QH tỉnh;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- Lãnh đạo VP + CV VPUBND tỉnh;
- TT Phục vụ hành chính công tỉnh;
- Lưu: VT, T4.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Tuấn Thanh



Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật Đất đai số 31/2024/QH15; Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Điện lực về bảo vệ công trình điện lực và an toàn trong lĩnh vực điện lực thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân tỉnh: khoản 2 Điều 104; khoản 5 Điều 109; khoản 7 và khoản 10 Điều 111 của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và khoản 3 Điều 4; điểm a và điểm d khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 15; Điều 16; điểm b khoản 2 Điều 17; điểm c, khoản 1 Điều 18; khoản 2 Điều 19; khoản 6 Điều 20; Điều 21; khoản 3 Điều 22; khoản 2 Điều 23; điểm c, khoản 1 và khoản 2 Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ; điểm a và điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ.

2. Việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi thực hiện dự án đầu tư cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư theo quy định của pháp luật về nhà ở.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp tỉnh, cấp xã; đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh được thành lập theo quy định của pháp luật về đất đai và quy định khác của pháp luật có liên quan.

2. Người có đất thu hồi và chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất thu hồi.

3. Các đối tượng khác có liên quan đến việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất.

Chương II
QUY ĐỊNH CHI TIẾT VỀ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ, TÁI ĐỊNH CƯ
KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Mục 1
BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ VỀ ĐẤT

Điều 3. Quy định tỷ lệ quy đổi, điều kiện bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở để bồi thường cho

người có đất thu hồi theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ

1. Tỷ lệ quy đổi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ quy đổi} = \frac{\text{Giá đất tính tiền bồi thường của loại đất thu hồi}}{\text{Giá đất tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi bồi thường bằng đất khác mục đích sử dụng với loại đất thu hồi hoặc giá nhà ở khi bồi thường bằng nhà ở}}$$

2. Điều kiện bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở

a) Người có đất thu hồi đủ điều kiện bồi thường về đất theo quy định tại Điều 95 của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Điều 5 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ.

b) Địa phương nơi có đất thu hồi có quỹ đất hoặc quỹ nhà ở phù hợp với quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quy hoạch xây dựng đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

c) Người có đất thu hồi có nhu cầu bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở.

3. Diện tích đất ở, nhà ở hoặc đất phi nông nghiệp được quy đổi là diện tích đất bị thu hồi nhân với tỷ lệ quy đổi quy định tại khoản 1 Điều này.

4. Việc bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở được thực hiện như sau:

a) Về bồi thường bằng đất ở khi thu hồi đất nông nghiệp hoặc đất phi nông nghiệp không phải là đất ở của hộ gia đình, cá nhân

Trường hợp diện tích đất ở, nhà ở sau khi quy đổi bằng hoặc lớn hơn diện tích đất ở tối thiểu được tách thửa theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì được bồi thường bằng 01 lô đất ở có diện tích phù hợp với quy hoạch xây dựng chi tiết tại khu tái định cư hoặc một căn nhà ở.

Trường hợp số tiền bồi thường về đất sau khi tính nộp tiền sử dụng đất đối với lô đất ở được bồi thường thứ nhất còn thừa đủ để nộp tiền sử dụng đất đối với lô đất thứ hai và gia đình có từ 02 người con trở lên thì được giao thêm lô đất thứ hai tại khu tái định cư.

Việc xác định diện tích, lô đất ở, nhà ở do đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đề xuất Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

b) Về bồi thường bằng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở khi thu hồi đất nông nghiệp của hộ gia đình, cá nhân

Trường hợp diện tích đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sau khi quy đổi bằng hoặc lớn hơn diện tích đất phi nông nghiệp không phải là đất ở tối thiểu được

tách thửa theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì được bồi thường bằng việc cho thuê đất trong Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp. Diện tích đất thuê theo dự án đầu tư và quy hoạch xây dựng chi tiết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Việc xác định diện tích, vị trí cho thuê đất do đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đề xuất Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

c) Về bồi thường bằng đất phi nông nghiệp không phải là đất ở khi thu hồi đất ở của hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài, tổ chức kinh tế.

Trường hợp diện tích đất phi nông nghiệp không phải là đất ở sau khi quy đổi bằng hoặc lớn hơn diện tích đất phi nông nghiệp không phải là đất ở tối thiểu được tách thửa theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh thì được bồi thường bằng việc cho thuê đất trong Khu công nghiệp, Cụm công nghiệp. Diện tích đất thuê theo dự án đầu tư và quy hoạch xây dựng chi tiết được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt.

Việc xác định diện tích, vị trí cho thuê đất do đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đề xuất Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

5. Diện tích đất thu hồi để được bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở quy định tại Điều này là diện tích đất thu hồi theo từng dự án.

6. Giá đất tính tiền sử dụng đất, tiền thuê đất khi bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi cho người sử dụng đất theo quy định tại Điều này được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ.

7. Người có đất thu hồi được bồi thường bằng đất có mục đích sử dụng khác với loại đất thu hồi hoặc bằng nhà ở mà có chênh lệch giá trị giữa tiền bồi thường, hỗ trợ về đất với tiền sử dụng đất, tiền thuê đất phải nộp khi được giao đất, thuê đất khác hoặc tiền mua nhà ở thì xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 4 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ.

Mục 2 **BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ THIẾT HẠI VỀ TÀI SẢN,** **CHI PHÍ ĐẦU TƯ VÀO ĐẤT CÒN LẠI**

Điều 4. Mức bồi thường nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại theo quy định tại khoản 1 Điều 14 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ

1. Mức bồi thường nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại được thực hiện như sau:

Mức bồi thường nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại	=	Giá trị hiện có của nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại	+	Khoản tiền tính thêm bằng 30% giá trị hiện có của nhà, công trình đó
--	---	---	---	--

Mức bồi thường nhà, công trình bị thiệt hại không quá 100% giá trị xây dựng mới của nhà, công trình xây dựng có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương với nhà, công trình xây dựng bị thiệt hại.

2. Thời gian khấu hao áp dụng đối với nhà, công trình xây dựng thiệt hại (T) quy định tại điểm b khoản 1 Điều 14 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ như sau:

a) Đối với nhà, công trình của tổ chức kinh tế áp dụng theo thời gian trích khấu hao tối đa theo quy định tại Phụ lục số 1 kèm theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

b) Đối với nhà, công trình của cơ quan, đơn vị, tổ chức áp dụng theo thời gian sử dụng tại Phụ lục số 1 kèm theo Thông tư số 23/2023/TT-BTC ngày 25/4/2023 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, tính hao mòn, khấu hao tài sản cố định tại cơ quan, tổ chức, đơn vị và tài sản cố định do Nhà nước giao cho Doanh nghiệp quản lý không tính thành phần vốn Nhà nước tại Doanh nghiệp.

3. Đối với nhà, công trình xây dựng không đủ tiêu chuẩn kỹ thuật theo quy định của pháp luật chuyên ngành thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư chủ trì, phối hợp với các ngành chức năng có liên quan căn cứ định mức; đơn giá xây dựng công trình của tỉnh hoặc khảo sát giá phổ biến trên thị trường hoặc thuê đơn vị tư vấn để xác định giá trị cụ thể gửi cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực cấp xã thẩm định trước khi trình Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét phê duyệt để thực hiện.

Điều 5. Bồi thường, hỗ trợ do phải di dời mồ mả khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ

1. Người có mồ mả phải di dời khi Nhà nước thu hồi đất thì được bố trí đất trong các nghĩa trang theo quy hoạch và được bồi thường chi phí đào, bốc, di dời, xây dựng mới và các chi phí hợp lý khác có liên quan trực tiếp theo đơn giá bồi thường hiện hành do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định. Trường hợp mộ xây dựng có kiến trúc phức tạp, đặc biệt chưa có quy định trong bảng giá thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đề xuất mức giá bồi thường cụ thể trình Ủy ban nhân dân tỉnh (thông qua Sở Xây dựng) phê duyệt để thực hiện.

2. Trường hợp tự thu xếp việc di chuyển mồ mả ngoài khu vực được bố trí theo quy hoạch của dự án thì ngoài được bồi thường chi phí theo quy định tại khoản 1 Điều này còn được hỗ trợ tiền là 2.000.000 đồng/mộ đối với khu vực nông thôn; 3.000.000 đồng/mộ đối với khu vực đô thị.

3. Đối với dự án mà có mồ mả của đồng bào dân tộc thiểu số phải di dời mà có làm lễ tâm linh theo phong tục tập quán riêng thì tùy từng dự án cụ thể, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đề xuất mức hỗ trợ cụ thể, trình Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

4. Trường hợp đất có mồ mả nằm trên đất mồ mả của dòng họ, không nằm trong các nghĩa trang, nghĩa địa do Nhà nước quy hoạch, quản lý thì ngoài việc bồi thường để di chuyển mồ mả còn được hỗ trợ thêm đối với phần diện tích đất có mồ mả bị thu hồi (kể cả phần diện tích đất mồ mả của những người không cùng dòng họ được chôn trên đất mồ mả của dòng họ). Giá đất hỗ trợ tính bằng 30% giá đất ở trong bảng giá đất do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định tại khu dân cư liền kề gần nhất và diện tích đất tính hỗ trợ không quá 3,64m²/mộ chuẩn.

Điều 6. Bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà ở cho người đang sử dụng nhà ở thuộc tài sản công nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ theo quy định tại Điều 16 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ

Người đang sử dụng nhà ở thuộc tài sản công (nhà thuê hoặc nhà do tổ chức tự quản) nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ thì người đang thuê nhà không được bồi thường đối với diện tích nhà ở thuộc sở hữu nhà nước và diện tích coi nói trái phép, nhưng được bồi thường chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp; mức bồi thường như sau:

1. Bồi thường 100% chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nếu được cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà đất cho phép cải tạo, sửa chữa, nâng cấp.

2. Bồi thường 80% chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp đối với trường hợp tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp mà không được cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà đất cho phép cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhưng việc xây dựng không bị vi phạm quy hoạch và chỉ giới xây dựng.

3. Bồi thường 20% chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp đối với trường hợp tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp mà không được cơ quan có thẩm quyền quản lý nhà đất cho phép cải tạo, sửa chữa, nâng cấp và việc xây dựng vi phạm quy hoạch và chỉ giới xây dựng.

4. Giá trị bồi thường các khoản chi phí tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhà ở thuộc sở hữu nhà nước quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này do đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xác định cụ thể và trình Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

5. Các trường hợp tự cải tạo, sửa chữa, nâng cấp từ ngày có thông báo thu hồi đất, nhà ở thuộc sở hữu nhà nước nằm trong phạm vi đất thu hồi trở về sau thì không được bồi thường, hỗ trợ.

Điều 7. Bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại không có hồ sơ, chứng từ chứng minh theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 17 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ

1. Đối với đất nông nghiệp được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 30% giá đất nông nghiệp tính tiền bồi thường.

2. Đối với đất phi nông nghiệp được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại theo thời hạn sử dụng đất còn lại theo đơn giá 75.000 đồng/m².

Điều 8. Bồi thường thiệt hại đối với đất thuộc hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn khi xây dựng công trình, khu vực có hành lang bảo vệ an toàn mà không làm thay đổi mục đích sử dụng đất nhưng làm hạn chế khả năng sử dụng đất theo quy định điểm c khoản 1 Điều 18 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ

1. Đối với đất ở được bồi thường thiệt hại bằng 50% giá đất ở tính tiền bồi thường.

2. Đối với đất trồng cây lâu năm, đất rừng sản xuất, đất rừng phòng hộ được bồi thường thiệt hại bằng 50% giá đất nông nghiệp tính tiền bồi thường.

3. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư có trách nhiệm xác định cụ thể diện tích đất nằm trong hành lang bảo vệ an toàn công trình, khu vực bảo vệ, vành đai an toàn của từng dự án để lập phương án bồi thường theo quy định.

Điều 9. Bồi thường, hỗ trợ nhà ở, công trình trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện trên không theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 3 Điều 16 Nghị định số 62/2025/NĐ-CP ngày 04/3/2025 của Chính phủ

1. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không, được xây dựng trên đất đủ điều kiện bồi thường về đất ở theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày có thông báo thu hồi đất của cơ quan có thẩm quyền thì chủ sở hữu nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt được bồi thường phần diện tích trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không. Mức bồi thường bằng 70% giá xây dựng mới của nhà ở, công trình có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương do Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành.

2. Nhà ở, công trình phục vụ sinh hoạt có một phần hoặc toàn bộ diện tích nằm trong hành lang bảo vệ an toàn đường dây dẫn điện áp cao trên không, được xây dựng trên đất không đủ điều kiện được bồi thường về đất ở theo quy định của pháp luật về đất đai thì được hỗ trợ bằng 40% giá xây dựng mới của nhà ở, công trình xây dựng trước ngày 01/7/2004; hỗ trợ bằng 25% giá xây dựng mới của nhà ở, công trình xây dựng từ ngày 01/7/2004 đến trước ngày 01/7/2014.

Điều 10. Bồi thường chi phí di chuyển tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 104 của Luật Đất đai số 31/2024/QH15

1. Mức bồi thường chi phí để tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt đối với trường hợp phải di chuyển tài sản như sau:

a) Trường hợp di chuyển trong phạm vi địa bàn xã, phường nơi có đất thu hồi: 5.000.000 đồng/hộ.

b) Trường hợp di chuyển sang xã, phường khác trong phạm vi tỉnh, trừ trường hợp quy định tại điểm a khoản này: 7.000.000 đồng/hộ.

c) Trường hợp di chuyển ngoài tỉnh: 10.000.000 đồng/hộ.

2. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân khi di chuyển chỗ ở có tháo dỡ, di chuyển đường dây điện thoại cố định, cáp truyền hình, internet còn được bồi thường chi phí di dời, lắp đặt lại như sau:

- a) Đường dây điện thoại cố định: 300.000 đồng/hộ.
- b) Cáp truyền hình cáp: 500.000 đồng/hộ.
- c) Đường dây internet: 500.000 đồng/hộ.
- d) Hệ thống camera: 500.000 đồng/hộ.

3. Khi Nhà nước thu hồi đất mà phải di chuyển tài sản hợp pháp (bao gồm hệ thống máy móc, dây chuyền sản xuất) đến cơ sở mới thì được bồi thường chi phí di chuyển tài sản. Mức bồi thường được xác định theo dự toán chi phí do đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thuê đơn vị tư vấn có chức năng lập, gửi cơ quan chuyên môn về ngành, lĩnh vực cấp xã thẩm định trước trình Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

Điều 11. Hỗ trợ di dời vật nuôi; hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi đất giấy phép đã hết thời hạn theo quy định tại Điều 21 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ

1. Mức hỗ trợ di dời vật nuôi là gia súc như sau:

- a) Đối với gia súc (bò, trâu, ngựa)
 - Di dời từ 2 km đến 5 km: 50.000 đồng/con.
 - Di dời trên 5 km đến 10 km: 80.000 đồng/con.
 - Di dời trên 10 km đến 20 km: 150.000 đồng/con.
 - Di dời trên 20 km đến 50 km: 300.000 đồng/con.
 - Di dời trên 50 km: 500.000 đồng/con.

b) Đối với gia súc khác được hỗ trợ di dời bằng 50% mức hỗ trợ tương ứng với cự li và giá trị hỗ trợ quy định tại điểm a khoản này.

2. Mức hỗ trợ di dời vật nuôi là gia cầm như sau:

- a) Đối với đàn gia cầm có quy mô từ 100 con trở lên:
 - Di dời dưới 10km, hỗ trợ: 3.500 đồng/con.
 - Di dời từ 10km đến dưới 20km, hỗ trợ: 4.000 đồng/con.
 - Di dời từ 20km đến dưới 50km, hỗ trợ: 6.500 đồng/con.
 - Di dời từ 50km trở lên, hỗ trợ: 8.500 đồng/con.

b) Đối với đàn gia cầm có quy mô dưới 100 con được hỗ trợ di dời bằng 50% mức hỗ trợ tương ứng với cự li và giá trị hỗ trợ quy định tại điểm a khoản này.

3. Chủ sở hữu vật nuôi tự di dời vật nuôi sau khi nhận tiền hỗ trợ di dời.

4. Đối với tài sản gắn liền với đất là phần công trình xây dựng theo giấy phép xây dựng có thời hạn theo pháp luật về xây dựng mà đến thời điểm thu hồi

đất giấy phép đã hết thời hạn thì chủ sở hữu tài sản không được bồi thường mà được hỗ trợ để tháo dỡ, phá dỡ, di dời theo quy định sau đây:

a) Đối với công trình xây dựng bị phá dỡ toàn bộ hoặc phá dỡ một phần (không sử dụng lại tài sản) được hỗ trợ chi phí phá dỡ bằng 30% giá trị công trình xây dựng mới có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương.

b) Đối với công trình xây dựng bị tháo dỡ, di dời (sử dụng lại tài sản) thì được hỗ trợ chi phí tháo dỡ, di dời bằng 20% giá trị công trình xây dựng mới có tiêu chuẩn kỹ thuật tương đương.

c) Chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất tự tháo dỡ, phá dỡ, di dời sau khi nhận tiền hỗ trợ.

Mục 3 **HỖ TRỢ, BỔ TRÍ TÁI ĐỊNH CƯ**

Điều 12. Hỗ trợ ổn định đời sống khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ

Mức hỗ trợ ổn định đời sống đối với hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất quy định tại khoản 1 Điều 19 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ bị thu hồi dưới 30% diện tích đất nông nghiệp đang sử dụng; hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất không đủ điều kiện bồi thường về đất hoặc do nhận giao khoán đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối từ các lâm trường hoặc công ty lâm nghiệp được chuyển đổi từ các nông, lâm trường quốc doanh và có hợp đồng giao khoán sử dụng đất thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đề xuất Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đối với từng trường hợp cụ thể; mức hỗ trợ tính bằng tiền tương đương 30 kg gạo/tháng đối với một nhân khẩu theo báo cáo giá thị trường của Ủy ban nhân dân tỉnh; thời gian hỗ trợ là 03 tháng, chi trả 01 (một) lần khi thực hiện chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ.

Điều 13. Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 6 Điều 20 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ

1. Việc hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh thực hiện theo quy định sau:

a) Hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất nông nghiệp thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh là 6.000.000 đồng/ha.

b) Đối với tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ thì được hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh bằng tiền bằng 30% một năm thu nhập sau thuế, theo mức thu nhập bình quân của 03 năm liền kề trước đó.

Thu nhập sau thuế được xác định là thu nhập sau khi đã nộp thuế thu nhập cá nhân, thuế thu nhập doanh nghiệp theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập

cá nhân, pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp.

2. Người lao động do tổ chức kinh tế, hộ gia đình, cá nhân sản xuất, kinh doanh, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài thuộc đối tượng quy định tại khoản 1 Điều 20 của Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ thuê lao động theo hợp đồng lao động thì được hỗ trợ chế độ trợ cấp ngừng việc theo quy định của pháp luật về lao động trong thời gian 06 tháng. Số tiền hỗ trợ ngừng việc được chi trả trực tiếp cho người lao động.

3. Trường hợp hộ gia đình, cá nhân đang sử dụng đất do nhận giao khoán đất để sử dụng vào mục đích nông nghiệp, lâm nghiệp, nuôi trồng thủy sản, làm muối từ các Ban Quản lý dự án rừng phòng hộ, Ban Quản lý rừng đặc dụng hoặc Công ty Lâm nghiệp và có hợp đồng giao khoán sử dụng đất với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thì được hỗ trợ ổn định sản xuất theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

4. Việc chi trả tiền hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh, chế độ trợ cấp ngừng việc quy định tại Điều này được thực hiện 01 (một) lần theo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 14. Hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình, cá nhân khi Nhà nước thu hồi đất theo quy định tại khoản 5 Điều 109 của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và khoản 3 Điều 22 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ

1. Mức hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm bằng 03 lần giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất của tỉnh quy định đối với toàn bộ diện tích đất nông nghiệp thu hồi nhưng không vượt quá hạn mức giao đất nông nghiệp theo quy định tại Điều 176 của Luật Đất đai số 31/2024/QH15.

2. Việc tổ chức thực hiện hỗ trợ bằng hình thức đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người có đất thu hồi là đất nông nghiệp, đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ theo quy định tại khoản 4 Điều 109 của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 được thực hiện theo quy định của Ủy ban nhân dân tỉnh.

Điều 15. Hỗ trợ tự lo chỗ ở theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ

Trường hợp hộ gia đình, cá nhân, người gốc Việt Nam định cư ở nước ngoài đủ điều kiện được hỗ trợ tái định cư theo quy định tại khoản 8 Điều 111 của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 mà có nhu cầu tự lo chỗ ở thì ngoài việc được bồi thường về đất bằng tiền còn được nhận tiền hỗ trợ tự lo chỗ ở với mức bằng 10% giá trị bồi thường đất ở.

Điều 16. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở, thưởng đối với người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn theo quy định tại khoản 7 Điều 111 của Luật Đất đai số 31/2024/QH15

1. Hỗ trợ tiền thuê nhà ở

Người có đất ở bị thu hồi để thực hiện dự án đầu tư xây dựng Khu đô thị thì được bồi thường bằng đất ở, nhà ở tại chỗ; trong thời gian chờ bố trí tái định cư được bố trí vào nhà ở tạm hoặc hỗ trợ tiền thuê nhà ở như sau:

- a) Đối với hộ gia đình có 04 (bốn) thành viên trở xuống, cá nhân:
 - Tại địa bàn phường: mức hỗ trợ 3.000.000 đồng/tháng;
 - Tại địa bàn xã: mức hỗ trợ 2.500.000 đồng/tháng;
 - b) Hộ gia đình có trên 04 (bốn) thành viên thì mỗi thành viên tăng thêm được hỗ trợ 500.000 đồng, nhưng không quá 5.000.000 đồng/tháng đối với địa bàn xã và không quá 6.000.000 đồng/tháng đối với địa bàn phường.
 - c) Thời gian hỗ trợ tiền thuê nhà quy định tại điểm a và b khoản này là 06 tháng.
2. Người có đất thu hồi bàn giao mặt bằng trước thời hạn thì được thưởng như sau:
- a) Đối với hộ gia đình, cá nhân bị thu hồi đất gắn liền với nhà ở mà bàn giao mặt bằng trước thời hạn 30 ngày được thưởng 10.000.000 đồng;
 - b) Đối với các trường hợp còn lại không thuộc quy định tại điểm a khoản này mà bàn giao mặt bằng trước thời hạn 30 ngày được thưởng 5.000.000 đồng.
 - c) Các mức thưởng quy định tại điểm a và b khoản này áp dụng đối với những trường hợp thực hiện bàn giao đất theo thời hạn quy định (kể cả những trường hợp có khiếu nại về phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư nhưng đã thực hiện bàn giao đất cho dự án). Thời gian quy định tính thưởng kể từ ngày quy định nhận tiền bồi thường, hỗ trợ ghi trong Thông báo nhận tiền bồi thường, hỗ trợ lần đầu (hoặc giấy mời lần đầu) đã gửi cho người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản.

Điều 17. Bố trí tái định cư theo quy định tại khoản 10 Điều 111 của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và Điều 24 Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ

1. Giá trị suất tái định cư tối thiểu bằng diện tích đất ở tái định cư tối thiểu nhân với giá đất ở trung bình cộng tại khu tái định cư. Trong đó:
 - a) Diện tích đất ở tái định cư tối thiểu bằng diện tích tối thiểu được phép tách thửa theo quy định hiện hành của Ủy ban nhân dân tỉnh.
 - b) Giá đất ở để tính suất tái định cư tối thiểu tại khu tái định cư do đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư xác định là giá đất được tính theo trung bình cộng giá đất ở các tuyến đường thuộc khu tái định cư đó.
2. Trường hợp trong hộ gia đình có đất ở thu hồi được bố trí tái định cư quy định tại khoản 4 Điều 111 của Luật Đất đai số 31/2024/QH15 mà có nhiều thế hệ hoặc có nhiều cặp vợ chồng cùng chung sống trên một thửa đất ở bị thu hồi nếu đủ điều kiện để tách thành từng hộ gia đình riêng theo quy định của pháp luật về cư trú, phải đăng ký thường trú tại địa phương nơi có đất thu hồi từ 24 tháng trở lên tính từ ngày công bố quy hoạch của dự án hoặc có nhiều hộ gia đình có chung quyền sử dụng 01 thửa đất ở bị thu hồi mà diện tích đất ở được bồi thường không đủ để giao riêng cho từng hộ gia đình, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư căn cứ vào quỹ đất ở, quỹ nhà ở tái định cư hiện có đề nghị giao

đất ở có thu tiền sử dụng đất hoặc bán, cho thuê, cho thuê mua nhà ở cho hộ gia đình còn thiếu, trình Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

3. Người đang sử dụng nhà ở thuộc tài sản công nằm trong phạm vi thu hồi đất phải phá dỡ nhà thì được hỗ trợ như sau:

a) Trường hợp không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi thì được hỗ trợ thuê nhà ở tại nơi tái định cư trong thời gian 06 tháng; giá thuê nhà là giá thuê nhà ở thuộc tài sản công; nhà thuê tại nơi tái định cư được Nhà nước bán cho người đang thuê theo quy định của pháp luật về nhà ở.

Trường hợp không có quỹ nhà thuê tại nơi tái định cư thì được hỗ trợ tiền thuê nhà ở trong thời gian 04 tháng. Mức hỗ trợ tiền thuê nhà ở thực hiện theo quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều 16 của Quy định này.

b) Trường hợp người đang sử dụng nhà ở bị thu hồi mà có nhu cầu về đất ở, nếu không có chỗ ở nào khác trong địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư căn cứ vào quỹ đất tại khu tái định cư hiện có, quyết định diện tích đất ở để giao đất ở có thu tiền sử dụng đất, trình Ủy ban nhân dân cấp xã phê duyệt.

Trường hợp người đang sử dụng nhà ở bị thu hồi có nhu cầu về nhà ở thương mại, nhà ở xã hội thì đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư căn cứ nhà ở thương mại, nhà ở xã hội trình Ủy ban nhân dân cấp có thẩm quyền quyết định.

c) Trường hợp người đang sử dụng nhà ở thuộc tài sản công không còn chỗ ở nào khác trong địa bàn đơn vị hành chính cấp xã nơi có đất thu hồi mà không có nhu cầu thuê nhà ở hoặc nhu cầu về đất ở, nhà ở thì được hỗ trợ bằng tiền để tự lo chỗ ở mới; mức hỗ trợ bằng 60% giá trị đất theo giá đất cụ thể được xác định theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất và 60% giá trị nhà đang thuê. Trường hợp nhà ở thuộc tài sản công là nhà ở nhiều tầng nhiều hộ ở cấu trúc kiểu căn hộ, mức hỗ trợ giá trị đất bằng 60% giá trị đất tính theo giá đất cụ thể được xác định theo phương pháp hệ số điều chỉnh giá đất nhân với hệ số phân bổ theo tầng theo quy định.

Chương III **TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

Điều 18. Trách nhiệm tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư

1. Ủy ban nhân dân cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã có trách nhiệm sau đây:

a) Chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai và Quy định này.

b) Phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư phổ biến các quy định của Nhà nước về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; niêm yết công khai các thông báo, quyết định liên quan đến việc thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; xác định nguồn gốc sử dụng đất, thời điểm tạo lập nhà, công trình xây dựng, về vi phạm pháp luật về đất đai và pháp luật có liên quan (nếu có); xác định vị trí thửa đất, số nhân khẩu và số cặp vợ chồng; xác định tỷ lệ đất

nông nghiệp thu hồi của hộ gia đình, cá nhân. Thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

c) Quyết định biện pháp, mức hỗ trợ khác để bảo đảm có chỗ ở, ổn định đời sống, sản xuất đối với người có đất thu hồi, chủ sở hữu tài sản cho từng dự án cụ thể theo thẩm quyền quy định của pháp luật về đất đai và các quy định của pháp luật có liên quan.

Đối với các mức hỗ trợ khác đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quy định theo Luật Đất đai số 31/2024/QH15 và Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024 của Chính phủ, nay thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện theo Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ thì Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có đất thu hồi xem xét, quyết định mức hỗ trợ khác không thấp hơn mức hỗ trợ trong phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành.

d) Chỉ đạo cơ quan có chức năng quản lý đất đai cấp xã chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, đơn vị liên quan thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp phê duyệt theo quy định; tham mưu đề xuất giá đất tính tiền bồi thường theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư cấp tỉnh phối hợp với Ủy ban nhân dân cấp xã, các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện lập thủ tục hồ sơ thu hồi đất, lập phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư; thực hiện việc chi trả tiền bồi thường, hỗ trợ và giao đất tái định cư đảm bảo theo quy định của pháp luật có liên quan.

3. Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm sau đây:

a) Có trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện Quy định này trên địa bàn tỉnh; đồng thời, chủ động hướng dẫn, đôn đốc và phối hợp với các đơn vị có liên quan trong việc thực hiện công tác bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

b) Phối hợp việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư trên địa bàn tỉnh; kịp thời báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh chỉ đạo giải quyết các vướng mắc vượt thẩm quyền.

c) Chủ trì, phối hợp các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất và mức bồi thường thiệt hại thực tế khi Nhà nước thu hồi đất đối với vật nuôi là thủy sản hoặc vật nuôi khác mà không thể di chuyển trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. Kịp thời theo dõi, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh khi có biến động để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất.

4. Sở Xây dựng chủ trì, phối hợp với các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các xã, phường xây dựng đơn giá bồi thường thiệt hại về nhà cửa, công trình xây dựng, mồ mả trình Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành. Kịp thời theo dõi, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét điều chỉnh khi có biến động về đơn giá bồi

thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng để làm căn cứ tính bồi thường khi thu hồi đất.

5. Sở Tài chính hướng dẫn đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư lập dự toán, báo cáo quyết toán về kinh phí bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định; báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh quy định mức chi đảm bảo cho việc tổ chức thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư.

6. Sở Nội vụ chủ trì, phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định ban hành Quy định hỗ trợ bằng hình thức đào tạo, chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho người có đất thu hồi là đất nông nghiệp, đất ở kết hợp kinh doanh dịch vụ theo quy định của pháp luật về đất đai.

7. Cơ quan thuế có trách nhiệm phối hợp với đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và các cơ quan liên quan xác định nghĩa vụ tài chính mà người sử dụng đất phải nộp và hướng dẫn việc nộp khoản tiền đã khấu trừ tiền chưa thực hiện nghĩa vụ tài chính của hộ gia đình, cá nhân (hoặc tổ chức) vào ngân sách nhà nước; thực hiện các nhiệm vụ khác có liên quan theo quy định của pháp luật có liên quan.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh thực hiện chức năng giám sát việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh.

9. Chủ đầu tư dự án có trách nhiệm phối hợp với các Sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đơn vị, tổ chức thực hiện nhiệm vụ bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và chính quyền địa phương sở tại để triển khai thực hiện bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định.

10. Ngoài các nội dung quy định tại Quy định này, việc bồi thường, hỗ trợ, tái định cư thực hiện theo quy định của Luật Đất đai số 31/2024/QH15, Nghị định số 88/2024/NĐ-CP ngày 15/7/2024, Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Điều 19. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với trường hợp đã có quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư theo quy định của pháp luật về đất đai trước ngày Quy định này có hiệu lực thi hành nhưng chưa thực hiện thì tiếp tục thực hiện phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

2. Trường hợp văn bản quy phạm pháp luật viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ thì áp dụng quy định tại văn bản quy phạm pháp luật mới.

3. Trong quá trình thực hiện Quy định này nếu phát sinh khó khăn, vướng mắc, bất cập, các tổ chức, cá nhân và cơ quan có liên quan kịp thời phản ánh về Sở Nông nghiệp và Môi trường để tổng hợp, báo cáo đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp hoặc chỉ đạo giải quyết./.